TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ÂN THI** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
" *V/v ly hôn, nuôi con chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ÂN THI

- *Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Lương Thị Thuỷ**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Quang Chử** - Cán bộ hưu trí

Bà **Dương Thị Thu Hồng**- Hội phụ nữ xã Cẩm Ninh

- *Thư ký phiên toà:* Ông **Nguyễn Tuấn Anh** - Thư ký Toà án huyện Ân Thi

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ân Thi tham gia phiên toà:*

Ông **Đỗ Văn Tú** - Kiểm sát viên

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ân Thi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 68/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 29/8/2022, và Quyết định hoãn phiên toà số 31/2022/QĐHPT ngày 14/09/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phan Thị D, sinh năm 1990

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986

- *Người có quyền lợi liên quan:*

Cháu Nguyễn Duy B, sinh năm 2011

Cháu Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017

- *Người đại diện cho cháu Duy B, Y*: Anh H

Đều cư trú tại: Xóm 3 thôn C, thị trấn A, huyện Ân Thi, Hưng Yên.

Các đương sự đều vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai của chị D trong quá trình tố tụng thể hiện:

Chị và anh Nguyễn Văn H có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm sau đó mới tiến tới hôn nhân. Anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A vào năm 2009. Sau khi thành vợ chồng, chị D về nhà anh H sống chung cùng gia đình ở xóm 3 thôn C, thị trấn A. Vợ chồng chung sống khoảng 6 năm thì vợ chồng xây nhà ra ở riêng nhưng cùng trên thửa đất với bố mẹ chồng. Quá trình chung sống với nhau, thời gian đầu tình cảm vợ chồng hạnh phúc, vui vẻ, sau đó phát sinh mâu thuẫn từ những vấn đề nhỏ nhặt trong cuộc sống. Anh H mải chơi hay mang xe máy của chị đi cầm đồ thậm chí đến điện thoại và nhẫn cưới cũng mang đi cầm đồ lấy tiền và năm 2013 còn bị xét xử về tội đánh

bạc. Chị D nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh H không nghe vì thế chị đã có lần bỏ về nhà mẹ đẻ năm 2012 nhưng sau đó anh H xin lỗi vợ chồng lại quay về với nhau. Sau khi quay về chung sống thì anh H vẫn không thay đổi tính, ham chơi và vẫn dính vào cờ bạc, năm 2020 anh H còn cặp bồ với người đã có gia đình, chị đã bắt được tận tay anh H đi nhà nghỉ với người đó. Sự việc này khiến chị không thể chấp nhận được nên tháng 3/2022 anh H vô cớ đánh chửi và đuổi chị đi nên chị đã bỏ đi và thuê nhà nơi khác để ở. Nay chị cảm thấy hôn nhân không hạnh phúc và vợ chồng đã ly thân nhiều tháng nay nên kiên quyết xin ly hôn với anh H, yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Duy Anh, sinh năm 2011 và Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017. Khi vợ chồng mâu thuẫn chị bị đuổi khỏi nhà, các con để lại cho anh H chăm sóc nuôi dưỡng vì anh H cùng các con đang ở ngôi nhà của vợ chồng, còn chị phải thuê nhà, chỗ ăn ở không tốt, không đảm bảo các điều kiện sống cũng như việc đi lại học hành của các con. Tuy nhiên, chị vẫn thường xuyên thăm nom các con, do hiện nay chị không có việc làm, không có thu nhập, sắp tới chị có kế hoạch đi xuất khẩu lao động nước ngoài, chị không thể trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung được nên chị đề nghị Toà án giao cho anh H nuôi cả hai con chung, ngôi nhà của vợ chồng chị sẽ để cho anh H sử dụng để nuôi con, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Văn H mặc dù đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án để trình bày quan điểm và tham gia hòa giải.

Toà án có làm việc với ông Nguyễn Văn H là bố đẻ anh H thì được biết: anh H lấy chị D tự nguyện và có đăng ký kết hôn, Gia đình có tổ chức cưới cho anh chị và sau khi cưới thì vợ chồng về ở cùng vợ chồng ông sau đó thì ra ở riêng xây nhà cạnh thửa đất của ông. Quá trình chung sống về mâu thuẫn vợ chồng thì ông không biết cụ thể nhưng thấy hai vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Tháng 3/2022 chị D bỏ nhà đi chỗ khác ở, vợ chồng sống ly thân. Khi vợ chồng đánh cãi nhau thì ông sang can nhưng không hoà giải được.

Lời khai của bà Trần Thị Q (mẹ đẻ của chị D) cho biết: Chị D và anh H kết hôn ngày kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A năm 2009. Sau khi kết hôn D về nhà H ở, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có con chung là cháu Nguyễn Duy Anh, sinh ngày 11/01/2011 và Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, H hay đánh đập và không tôn trọng vợ. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh H ham chơi, không chịu làm, có tính gia trưởng. Từ khi làm rể, anh H không quan tâm gì đến gia đình vợ, khi vợ chồng mâu thuẫn thì gia đình bà cũng có tham gia hàn gắn nên hôn nhân mới kéo dài đến ngày hôm nay. Bản thân chị D đã cam chịu nhẫn nhịn rất nhiều, nay D kiên quyết xin ly hôn, bà cũng nhất trí và đề nghị Toà án giải quyết cho anh chị ly hôn.

Xác minh tại UBND thị trấn A được biết: Chị D và anh H đều có hộ khẩu thường trú tại địa phương, kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại

UBND thị trấn ngày 28/6/2009. Sau khi kết hôn chị D về sinh sống cùng nhà anh H và bố mẹ chồng. Quá trình sống chung mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh H như thế nào UBND thị trấn không nắm được. Về con chung: hai vợ chồng D, H có hai con chung cháu Nguyễn Duy Anh, sinh ngày 11/01/2011 và Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017 có đăng ký khai sinh tại UBND thị trấn. Nay chị D có đơn xin ly hôn, UBND thị trấn đề nghị Toà án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa: Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định chung.

Phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán đã cơ bản chấp hành đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án.

* Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Hội đồng xét xử và Thư kỷ đã tuân theo dùng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

* Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tụng:

- Nguyên đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng: Đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại điều 70, 71, 73, 78 BLTTDS.

- Bị đơn: Đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận không khai chứng cứ và hoà giải, nhưng vắng mặt không lý do đã vi phạm khoản 15, 16 Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

* Quan điểm giải quyết vụ án:

- Căn cứ vào các tình tiết, tài liệu, chứng củ có trong hồ sơ vụ án.

- Căn cứ vào khoản 1, Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326 về án phí, lệ phí, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về tình trạng hôn nhân: Vợ chồng chị D phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày và vấn đề kinh tế. Anh H mải chơi bời không quan tâm đến gia đình vợ con. Chị D và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo, nhưng anh H không nghe còn thường xuyên chửi và đánh chị. Nên từ tháng 3 năm 2022, chị D phải ra ngoài thuê nhà để ở, vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến ai. Ngày 08/7/2022, chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh H được nữa, nên gửi đơn ly hôn gửi đến Tòa án huyện để giải quyết. Toà án đã tiến hành hoà giải, nhưng không thành, do chị D cương quyết xin ly hôn và từ chối hòa giải, còn anh H vắng mặt không có lý do. Điều đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa chị D và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy có đủ căn cứ để xử cho chị D ly hôn anh H.

+ Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn Duy Anh, sinh ngày 11/01/2011 và châu Nguyễn Tú Y, sinh ngày 23/11/2017. Hiện nay các châu đang ở cùng anh H. Cháu B có nguyện vọng ở với anh H. Vợ chồng ly hôn, chị D có nguyện vọng để cho anh H nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị tự nguyện cấp dưỡng

tiền nuôi con cho anh H số tiền 1.000.000đồng/ /cháu/tháng. Do hiện nay chị đang phải đi thuê nhà, không có điều kiện để nuôi con, hơn nữa để cho việc học tập và sinh hoạt của các cháu được ổn định vì chị cũng đang chuẩn bị đi xuất khẩu lao động. Tuy chưa làm rõ được quan điểm của anh H, nhưng xét thấy nguyện vọng của cháu B và chị D là chính đáng và thực tế cả hai con chung đều đang ở với anh H, đang học tập tại thị trấn A và có sự giúp đỡ của bố mẹ anh H trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Còn chị D hiện đang phải đi thuê nhà trọ và chuẩn bị đi xuất khẩu lao động. Nên để tránh sự xáo trộn trong cuộc sống, học tập của các cháu và phù hợp với hoàn cảnh thực tế của các đương sự, điều kiện tốt nhất cho các con chung. Nên giao cả hai con chung cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H số tiền 1.000.000đồng/cháu/tháng. Chị D có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Sau này anh H có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ việc khác.

+ Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không yêu cầu giải quyết

+ Chị D phải chịu án phí DSST và án phi cấp dưỡng theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi đã nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, việc tranh luận và phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. HĐXX nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị D khởi kiện yêu cầu giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Văn H và yêu cầu giải quyết vấn đề con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Các đương sự đều cư trú tại: Xóm 3, thôn C, TT. A, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thụ lý, giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ân Thi.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

[2.1] Về việc kết hôn: Chị D và anh H xây dựng vợ chồng trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn A, huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên vào năm 2009, đảm bảo các điều kiện kết hôn. Do vậy hôn nhân nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Khi một bên có yêu cầu ly hôn sẽ áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết.

[2.2] Về mâu thuẫn vợ chồng: Theo lời khai của chị D và lời khai của người làm chứng là bà Quế, ông Hiện thì qúa trình chung sống với nhau chị D và anh H có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên đánh cãi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D là do anh H ham chơi, không quan tâm đến gia đình, chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng không được, ngoài ra anh H còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác khiến tình cảm vợ chồng rạn nứt. Tháng 3/2022, anh H đánh đuổi chị ra khỏi nhà, vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Quá trình giải quyết vụ án, chị D kiên quyết ly hôn, Toà án đã nhiều lần triệu tập anh H đến để hoà giải vợ chồng, nhưng anh H đều vắng mặt điều đó phần nào thể hiện anh H không có nguyện vọng và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy mâu

thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và đã ly thân một thời gian dài nhưng vẫn không hàn gắn được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D, xử cho chị được ly hôn anh H là phù hợp với tình trạng cuộc sống vợ chồng và phù hợp với pháp luật.

[3]Về con chung: Chị D anh H có 02 con chung là Nguyễn Duy Anh, sinh năm 2011 và Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017. Vợ chồng ly hôn, chị D đề nghị để anh H nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị đang đang làm thủ tục đi xuất khẩu lao động, chị sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con cho anh H số tiền 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu. Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi vợ chồng ly thân, cháu Duy B và Tú Y đều ở với anh H có ông bà nội giúp đỡ chăm sóc các cháu, cháu Duy B cũng có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội để ổn định học tập. Qúa trình giải quyết vụ án, mặc dù không có lời khai của anh H nhưng theo lời khai của chị D và ông Hiện là bố anh H thì hiện nay anh H đang là lái xe taxi có thu nhập ổn định, ngôi nhà của vợ chồng hiện nay anh H và các con đang ở, như vậy anh H có điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Nếu chị D đi xuất khẩu lao động thì không thể trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng các con được nên sẽ giao cháu Duy B và cháu Tú Y cho anh H tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng đến khi thành niên để tránh sự xáo trộn cuộc sống của cháu. Chị D có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị D không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu, đề nghị thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị D phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D, xử cho chị D được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn H tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Duy Anh, sinh năm 2011 và Nguyễn Tú Y, sinh năm 2017 đến khi thành niên. Chị D cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho anh H số tiền 1.000.000đ/tháng cho mỗi cháu, thời gian kể từ tháng 9/2022 đến khi con chung đến tuổi thành niên. Sau khi ly hôn, chị D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức: Không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu, đề nghị thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí: Chị D phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm dân sự ly hôn và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị D đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004088 ngày 13/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ân Thi. Chị D còn phải nộp tiếp số tiền 300.000đ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án theo quy định.

Nơi nhận
- *VKS huyện Ân Thi;*
- *Các đương sự;*
- *UBND thị trấn Ân Thi;*
- *Chi cục THA;*
- *Lưu HS.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Thuỷ